

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG 5

Số tín chỉ: 03
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

- Tên học phần:** Tiếng Trung 5
- Mã học phần:** TTRUNG 008
- Số tín chỉ:** 3 (3,0)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ 3 (kỳ 2)
- Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 90 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Trung 4
- Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988900158	nthoa@saodo.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0348518391	ntlans@saodo.edu.vn
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978693593	bttrang@saodo.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988964751	ntxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng, các cụm từ liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hằng ngày: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Bỏ ngữ xu hướng đơn, bỏ ngữ xu hướng kép, bỏ ngữ động lượng, bỏ ngữ kết quả; trợ từ động thái “过”, trợ từ động thái “着”; câu vị ngữ chủ vị, câu bị động; cách biểu đạt số thứ tự, cấu trúc “一 就.....”, “是 的”, 一年比一年; hình dung từ lặp lại, lượng từ lặp lại. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức về các nội dung sau: - Từ vựng: Các từ, cụm từ theo chủ đề giao tiếp trong học phần: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người. - Cấu trúc ngữ pháp: Bỏ ngữ xu hướng đơn, bỏ ngữ xu hướng kép, bỏ ngữ động lượng, bỏ ngữ kết quả; trợ từ động thái “过”, trợ từ động thái “着”; câu vị ngữ chủ vị, câu bị động; cách biểu đạt số thứ tự, cấu trúc “一 就.....”, “是 的”, 一年比一年; hình dung từ lặp lại, lượng từ lặp lại.	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản, đảm bảo giao tiếp được trong các tình huống thông thường của cuộc sống hằng ngày: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người.	3	[1.2.2.2]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Liệt kê và viết được từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người.	2	[2.1.2]
CDR1.2	Trình bày được từ loại, nghĩa, cách phát âm của từ	3	[2.1.2]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
	vùng trong học phần.		
CDR1.3	Trình bày được ý nghĩa, đặc điểm: Hình dung từ lặp lại, lượng từ lặp lại, cách biểu đạt số thứ tự.	3	[2.1.2]
CDR1.4	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp: Câu vị ngữ chủ vị, câu bị động.	3	[2.1.2]
CDR1.5	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm: Bồ ngữ xu hướng đơn, bồ ngữ xu hướng kép, bồ ngữ động lượng, bồ ngữ kết quả.	3	[2.1.2]
CDR1.6	Nêu được ý nghĩa, đặc điểm cấu trúc: 是...的, 一...就..., 一年比一年.	3	[2.1.2]
CDR1.7	Xác định được ý nghĩa, vị trí, đặc điểm: Trợ từ động thái 过, trợ từ động thái 着.	3	[2.1.2]
CDR1.8	Vận dụng các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp cấu trúc câu để nghe, nói, đọc, viết, dịch câu, dịch đoạn hội thoại, bài nói ngắn, trình bày hay thuyết trình các quan điểm cá nhân về các chủ đề giao tiếp trong học phần ở trình độ sơ cấp; hoàn thành bài tập.	4	[2.1.2]
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Viết đúng, nhớ mặt chữ và nghĩa các chữ Hán trong học phần.	3	[2.2.6]
CDR2.2	Phát âm chuẩn và sử dụng đúng các từ vựng trong học phần để diễn đạt ý muốn nói; đặt câu, viết câu.	3	[2.2.6]
CDR2.3	Sử dụng được các từ vựng, các hiện tượng ngữ pháp trong học phần để đọc hiểu và dịch được nội bài đọc ra tiếng Việt, hoàn thành bài tập.	3	[2.2.6]
CDR2.4	Viết được các đoạn văn ngắn khoảng 80 - 120 từ về các chủ đề giao tiếp trong học phần.	3	[2.2.6]
CDR2.5	Giao tiếp lưu loát bằng tiếng Trung về các chủ đề giao tiếp trong học phần.	3	[2.2.6]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
CDR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phân tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	3	[2.3.1]
CDR3.3	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần															
		CDR1								CDR2					CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	第四课：快上来吧，要开车了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x			x			x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	第五课： 我听过钢琴节奏曲 《黄河》 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	第六课：我是跟旅游团一起来的 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x	x			x		x	x	x		x	x	x	x	x
4	第七课：我的护照你找到了没有 一、课文	x	x		x				x	x	x	x	x	x	x	x	x

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần															
		CDR1								CDR2					CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
	二、生词 三、注释 四、语法 五、练习																
5	第八课：我的眼镜摔坏了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x	x	x	x			x	x	x	x		x	x	x	x
6	第九课：要是忘拔下来了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	x	x			x	x		x	x	x	x		x	x	x	x
7	第十：会议厅的门开着呢 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp, tự luận.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 90 phút).
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] - Dương Ký Châu chủ biên - Trần Thị Thanh Liêm biên dịch (2020), *Giáo trình Hán ngữ (tập 2, quyển thượng)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[2] - Khương Lệ Bình (2019), *Giáo trình chuẩn HSK 2*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] - Khương Lệ Bình (2019), *Giáo trình chuẩn HSK 3*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

<p>1</p>	<p>第四课 快上来吧, 要开车了</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Trình bày được đặc điểm cách dùng của bổ ngữ xu hướng đơn. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. - Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về việc đi tham quan, tham gia các hoạt động ngoại khóa. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法: 简单趋向补语 五、练习 	<p>6 (6LT, 0TH)</p>	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 54 - 61. [3]: Trang 28 - 30. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong: [1]: Trang 61 - 69. 	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>
<p>2</p>	<p>第五课 我听过钢琴节奏曲《黄河》</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các 	<p>6 (6LT, 0TH)</p>	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm 	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.5, CĐR1.7,</p>

	<p>từ vựng trong bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Trợ từ động thái 过, bỏ ngữ động lượng, cách biểu đạt số thứ tự. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. - Viết được đoạn văn ngắn về sự việc đã từng xảy ra trong quá khứ. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 (一) 动态助词“过” (二) 动量补语 (三) 序数的表达 五、练习</p>		<p>rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 70 - 80. [3]: Trang 120 - 123. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 80 - 87. 	<p>CĐR1.8, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>
<p>3</p>	<p>第六课 我是跟旅游团一起来的</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Câu 是....的, cấu trúc 一....就...., hình dung từ lặp lại. 	<p>6 (6LT, 0TH)</p>	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. 	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3,</p>

	<p>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）是.....的 （二）一.....就.... （三）形容词重叠 五、练习</p>		<p>+ Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 88 - 95. [2]: Trang 39 - 42. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong: [1]: Trang 96 - 104.</p>	CĐR3.4.
4	<p>第七课 我的护照你找到了没有</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Câu vị ngữ chủ vị, bỏ ngữ kết quả 在、着、好、成. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. - Viết được đoạn văn ngắn về chủ đề tìm đồ vật và bị lạc đường.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法</p>	9 (7LT, 0TH, 2KT)	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 105 - 112. [2]: Trang 79 - 82. + Luyện nghe trước từ mới và bài đọc bài 7. [1]: Trang 105 - 109. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung,</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

	<p>(一) 主谓谓语句 (2)</p> <p>(二) 结果补语: “在、着、好、成”</p> <p>五、练习</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ</p>		<p>ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong: [1]: Trang 112 - 117.</p> <p>+ Làm bài kiểm tra.</p>	
5	<p>第八课 我的眼镜摔坏了</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Câu bị động, lượng từ lặp lại. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <ul style="list-style-type: none"> (一) 被动句 (二) 量词重叠 (三) 一年比一年 <p>五、练习</p>	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 119 - 125. [2]: Trang 55 - 58. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 126 - 132. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
6	<p>第九课 要是忘拔下来了</p> <p>Mục tiêu bài:</p>	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.5,

	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Trình bày được đặc điểm cách dùng của bộ ngữ xu hướng kép. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法: 复合趋向补语 五、练习 		<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên: + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 133 - 140. [3]: Trang 123 - 126. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong: [1]: Trang 141- 148. 	<p>CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>
7	<p style="text-align: center;">第十课</p> <p style="text-align: center;">会议厅的门开着呢</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Trình bày được đặc điểm cách dùng của: Trợ từ động thái 着. 	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên: + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm 	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2,</p>

<p>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</p> <p>- Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu sở thích của bản thân, người thân và bạn bè.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法: 动词+着</p> <p>五、练习</p>	<p>các bài tập.</p> <p>+ Gọi hội thoại theo cặp.</p> <p>+ Gọi sinh viên trả lời.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu:</p> <p>[1]: Trang 149 - 154.</p> <p>[2]: Trang 111 - 114.</p> <p>[3]: Trang 36 - 40.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong:</p> <p>[1]: Trang 154 - 160.</p>	<p>CĐR3.3, CĐR3.4.</p>
---	--	----------------------------

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Đăng Tiến

PHÓ BỘ MÔN

Nguyễn Thị Hoa